

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát Thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3585/QĐ-BNN-VP ngày 18/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Lâm nghiệp, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 251/TTr-SNNPTNT ngày 01/9/2021 và ý kiến của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 86/BC-VPUB ngày 09/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

- Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện niêm yết, công khai thực hiện;

- Rà soát Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế:

- Thủ tục hành chính số 1, số 2, số 3 Mục I - Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; thủ tục hành chính số 1, số 2, số 3, số 4, số 11, số 14, số 15, số 17, số 18, số 21 Mục X - Lĩnh vực Thủy lợi Phần A – Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh ban hành kèm Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Thủ tục hành chính số 1, số 3, số 4, số 5 Mục I - Lĩnh vực Bảo vệ thực vật Phụ lục I – Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận; thủ tục hành chính số 1 Mục I - Lĩnh vực Lâm nghiệp Phụ lục II – Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- TT.CNTT và TT (Sở TTTT);
- VPUB: LĐ;
- Lưu: VT, TTPVHCC. VTTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH NINH THUẬN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT				
1	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 44, đường 16/4, phường Tấn Tài, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận)	Không	Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	09 ngày làm việc	-Nhu trên-	500.000 đồng/hồ sơ	-Nhu trên-
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	- 03 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận. - 09 ngày làm việc đối	-Nhu trên-	200.000 đồng/hồ sơ	-Nhu trên-

		với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón.			
4	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	05 ngày làm việc	-Nhu trên-	600.000 đồng/lần (*)	Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- 15 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - 80 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	-Nhu trên-	800.000 đồng/lần (*)	-Nhu trên-
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- 15 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - 80 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại	-Nhu trên-	800.000 đồng/lần (*)	-Nhu trên-

		không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.			
7	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	24 giờ làm việc	-Nhu trên-	Không	Quyết định số 3585/QĐ-BNN-VP ngày 18/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
II	LĨNH VỰC THỦY LỢI				
1	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	21 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 44, đường 16/4, phường Tấn Tài, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận)	Không	Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-

3	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
4	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	21 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	-Nhu trên-	Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
6	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	21 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
7	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công	11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-

	trình ngân thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh				
8	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	21 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
9	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
10	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Không quy định thời hạn giải quyết	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-

(*): Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP				
1	Xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu khi thực hiện thủ tục Hải quan	Ngay sau khi hoàn thành thủ tục thông quan	Ủy ban nhân dân huyện	20.000 đồng/tờ khai	Quyết định số 3585/QĐ-BNN-VP ngày 18/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn